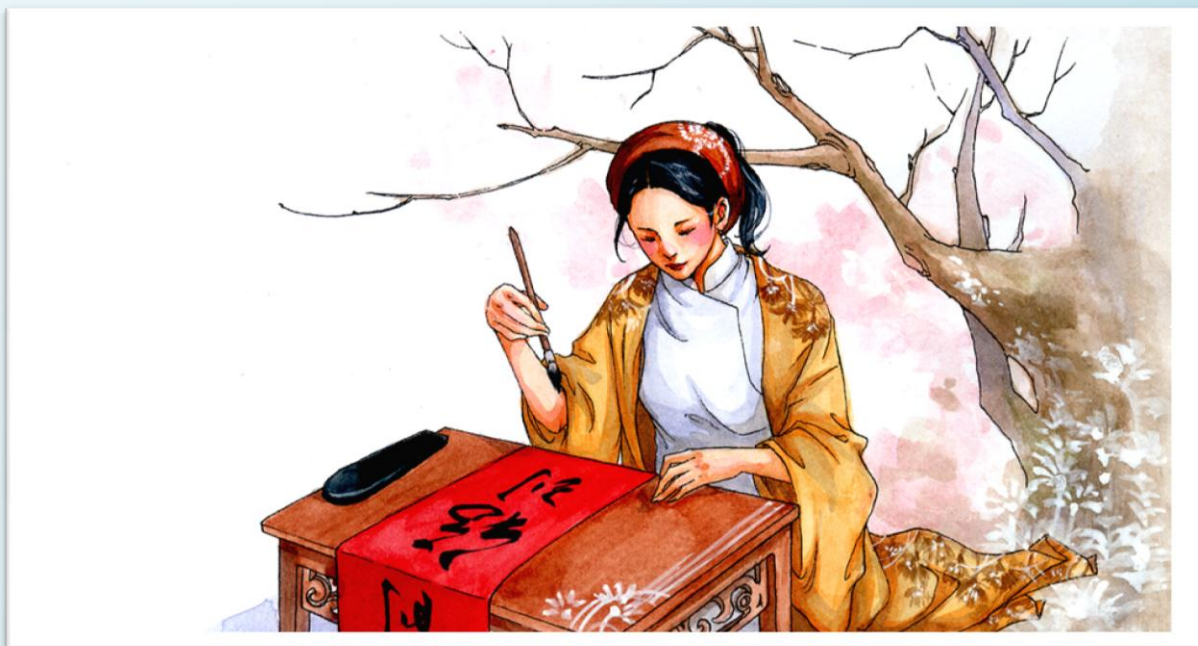




Thơ Hồ Xuân Hương – Tập 4

Thơ Nôm Truyền Tụng

Hồ Xuân Hương (1772 - 1822) là một thi sĩ sống ở giai đoạn cuối thế kỷ XVIII và đầu thế kỷ XIX, mà hành trạng hiện vẫn khiến nhiều học giả tranh cãi.

Đây là trang danh sách liệt kê tuyển tập các tác phẩm, tập thơ và những bài thơ hay nhất của nhà thơ Hồ Xuân Hương. Vốn nổi tiếng với những bài thơ “thanh thanh tục tục”, di tác của bà hoàn toàn là thơ, trong đó mảng Nôm có nhiều phẩm chất tốt cần sự khảo cứu lâu, nhưng hậu thế có thi sĩ Xuân Diệu đã mạo muội tôn Hồ Xuân Hương làm Bà chúa thơ Nôm.

Thơ Hồ Xuân Hương – Tập 4

Tập Thơ Nôm Truyền Tụng (phần chót)

Trong tập này có tất cả 43 bài thơ nôm truyền tụng phần chót của Hồ Xuân Hương.

- 1- Núi Ba Đèo
- 2- Núi Kẽm Trống
- 3- Ngại Ngùng
- 4- Nguyệt Hỡi Ê Mê
- 5- Nhĩ Hà Tức Cảnh
- 6- Nước Đàng
- 7- Phiếm Chu Ngoạn Nguyệt (Giong Thuyền Chơi Trăng)
- 8- Quan Hậu Sợ Vợ
- 9- Quá Nghệ An Hoài Giai Nhân, Hựu Thế (Qua Nghệ An Nhớ Bạn Hiền, Bài 2)
- 10- Quán Sứ Tự
- 11- Quả Mít
- 12- Sài Sơn Thiên Thị (Chợ Trời Núi Thầy)
- 13- Sư Hoạnh Dâm
- 14- Tát Nước
- 15- Tình Có Theo Ai
- 16- Tặng Tình Nhân
- 17- Tức Sự
- 18- Thân Phận Người Đàn Bà
- 19- Thị Đều Thi
- 20- Thơ Tự Tình
- 21- Thương
- 22- Thương Ôi Phận Gái
- 23- Thương Thay Phận Gái
- 24- Tiễn Người Làm Thơ
- 25- Trào Tăng

- 26- *Trách Chiêu Hồ*
- 27- *Trúc Bạch Hồ*
- 28- *Vô Âm Nữ*
- 29- *Vấn Nguyệt*
- 30- *Vọng Tây Hồ Hoài Hữu*
- 31- *Vịnh Ông Cứng Đánh Nhau*
- 32- *Vịnh Đồi Người*
- 33- *Vịnh Bách Chu – Tức Sương Nữ (Vịnh Thuyền Gỗ Bách – Tức Gái Hóa)*
- 34- *Vịnh Cái Quạt*
- 35- *Vịnh Chuông*
- 36- *Vịnh Dạy Con Trẻ*
- 37- *Vịnh Hằng Nga*
- 38- *Vịnh Hoa Cúc*
- 39- *Vịnh Nằm Ngủ*
- 40- *Vịnh Nhà Cư*
- 41- *Vịnh Ni Sư*
- 42- *Vịnh Thăng Long Hoài Cổ*
- 43- *Vịnh Xuyên Cổ (Vịnh Trống Thủng)*

Núi Ba Đèo (Hồ Xuân Hương)

Một đèo một đèo lại một đèo
Khen ai khéo vẽ cảnh cheo leo
Cửa son tía ngắt lơ thơ móc
Đường đá xanh rì lún phún rêu
Phưởng phất chồi thông cơn gió tốc
Mật mờ ngọn cỏ lúc sương gieo
Hiên nhân quân tử ai là chẳng
Mỏi gỏi chồn chân cũng muốn trèo

(Bản khắc 1914)

Bản khảo dị:

– Bản khắc 1922

Tựa đề: **Đèo Ba Dội**

Câu 2: Khen ai khéo **tạc** cảnh cheo leo

Câu 3: Cửa son **đỏ hoét tùm bum nóc**

Câu 4: **Hòn** đá xanh rì lún phún rêu

Câu 5: **Lắt lẻo càn**h thông cơn gió tồ

Câu 6: **Đầm ìa lá liễu** giọt sương gieo

Câu 8: Mọi gôi chồn chân **vẫn** muốn trèo

– Bản Quốc văn tùng ký

Tựa đề: **Vịnh ìa Ba Dội**

Câu 2: Khen ai khéo **đặt** cảnh cheo leo

Câu 3: Cửa son **đỏ hoét tùm um móc**

Câu 4: **Hòn** đá xanh rì lún phún rêu

Câu 5: **Lắt lẻo càn**h thông cơn gió **thốc**

Câu 6: **Đầm ìa lá liễu** giọt sương gieo

Câu 8: Mọi gôi chồn chân **vẫn** muốn trèo

– Bản Xuân hương thi sao

Tựa đề: **Vịnh ba ìa**

Câu 1: **Qua hết** một ìa lại một ìa

Câu 2: Khen ai khéo **tạc** cảnh cheo leo

Câu 3: Cửa son tía ngắt lơ **thơ nóc**

Câu 4: **Thềm** đá xanh rì lún phún rêu

Câu 5: **Vất vương càn**h thông cơn gió **thôi**

Câu 6: **Đầm ìa** ngọn cỏ lúc sương gieo

Câu 8: Mọi gôi chồn chân **vẫn** muốn trèo

– Bản Tạp thảo tập

Tựa đề: **Vịnh ba ìa**

Câu 1: **Qua hết** một ìa lại một ìa

Câu 2: Khen ai khéo **tạc** cảnh cheo leo

Câu 3: Cửa son tía ngắt lơ thơ **nóc**

Câu 4: **Thêm** đá xanh rì lún phún rêu

Câu 5: Phường phát **cành** thông cơn gió **thổi**

Câu 6: **Đầm** **đìa** ngọn cỏ lúc sương gieo

Câu 8: Mỗi gôi chồn chân **vẫn** muốn trèo

– Bản **Xuân hương thi vịnh**

Tựa đề: **Vịnh ba đèo**

Câu 1: **Cách** một đèo qua lại một đèo

Câu 2: Khen ai khéo **tạc** cảnh cheo leo

Câu 3: Cửa son tía ngắt lơ thơ **nóc**

Câu 4: **Thêm** đá xanh rì lún phún rêu

Câu 5: **Vất** **vường** **cành** thông cơn gió **thổi**

Câu 6: **Đầm** **đìa** ngọn cỏ lúc sương gieo

Câu 8: Mỗi gôi chồn chân **vẫn** muốn trèo

Núi Kẽm Trống (Hồ Xuân Hương)

Hai bên thò núi giữa thò sông

Có phải đây là Kẽm Trống không

Gió vật sườn non kêu lắc rắc

Sóng đồn mặt nước vỗ long bong

(Bản khắc 1914)

Bản khảo dị:

– Bản khắc 1922

Tựa đề: **Kẽm Trống**

Câu 3: Gió **đập** **cành** cây khua rắc **đắc**

– Bản **Quốc văn tùng ký**

Câu 3: Gió **thổi** **cành** cây khua lắc **cắc**

Câu 4: Sóng đồn mặt nước vỗ **lung tung**

– Bản *Xuân Hương* thi sao

Tựa đề: *Vịnh cái Kẽm Trống*

Câu 2: Có phải này là Kẽm Trống không

Câu 3: Trên núi gió khua cây lắc cắc

Câu 4: Dưới sông sóng vỗ nước long tong

Theo các văn bản tiếng Nôm bài này chỉ có 4 câu, tuy nhiên theo bản quốc ngữ sau này còn 4 câu nữa:

Ở trong hang núi còn hơi hẹp
Ra khỏi đâu non đã rộng thùng
Qua cửa mình ơi nên ngắm lại
Nào ai có biết nổi bụng bông

Ngại Ngùng (Hồ Xuân Hương)

Ngại ngùng chừng những lúc phân kỳ
Vó ký dùng dằng bước chẳng đi
Lưu giã đôi câu sa giọt ngọc
Tương tư nửa gánh nặng vai chì
Cầm thông sâu gáy năm cung biệt
Rượu cúc say nghiêng một chén ly
Tưởng nước non này trăng gió ấy
Thấu tình chẳng nhẽ khách tương tri

(*Quế Sơn* thi tập)

Nguyệt Hơi Đê Mê (Hồ Xuân Hương)

Nguyệt hơi đê mê mấy buổi nay
Vắng tình đây những ngẩn ngơ thay
Trà pha liên tử mà không chuộng
Rượu chiuốc bồ đào cũng chẳng say
Giấc bướm mơ màng hơi trống điểm

Hồn mai phảng phất tiếng sênh bay
Tình chung ai có hay chẳng tá
Còn tạo ghen chi những quấy rầy
(Quế Sơn thi tập)

Nhĩ Hà Tức Cảnh (Hồ Xuân Hương)

Thấp thoáng đâu ghềnh lún phún mưa
Đố ai vẽ được cảnh tiêu sơ
Xanh om cổ thụ tròn như tán
Trắng xóa tràng giang phẳng ngõ tò
Còi mục thét trắng miền khoáng dã
Lưới ngư chằng gió bãi bình sa
Chuông ai dứt nổi bên kia tá
Lầm lữ chung tình một túi thơ
(Bản khắc 1914)

Bản khảo dị:

Bản Xuân Hương thi vịnh

Tựa đề: Tức cảnh

Câu 6: Chài ngư tung gió bãi bình sa

Sở dĩ gọi Nhĩ Hà là do khúc sông Hồng chảy qua Thăng Long uốn lượn cong cong như cái khuyên đeo tai. Nhĩ Hà cũng đọc là Nhị Hà và nay thường gọi là sông Nhị.

Nước Đằng (Hồ Xuân Hương)

Đằng quốc xưa nay vốn nhỏ nhen
Lại còn Tề Sở ép hai bên

Ngảnh mặt sang Tê e Sở giận
Quay đầu về Sở sợ Tê ghen

(Bản khắc 1921)

Bản khảo dị:

Bản khắc 1922

Câu 2: Lại **thêm** Tê Sở ép hai bên

Tựa đề bài này lấy từ bản khắc 1922 cho ngắn gọn, bản khắc 1921 nguyên tiêu đề là : "Thích Đăng tiểu quốc dã, gián ư Tê Sở, sợ Tê hồ, sợ Sở hồ tứ cú".

Phiếm Chu Ngoạn Nguyệt (Giong Thuyền Chơi Trăng, Hồ Xuân Hương)

Hà đông một dải nước trong veo
Lãng đãng thuyền tình chở nặng chèo
Gợn sóng nhấp nhô tam cá lợi
In dòng chấp chơi mảnh trăng gieo
Muốn trôi thơ lá mà than thở
Phải mượn tin băng để dập dìu
Cây cỏ thêm buồn lòng nước cũ
Ái ân lạnh lẽo biết bao nhiêu

(Bản khắc 1914)

Bản khảo dị:

Bản Xuân Hương thi vịnh

Tựa đề: **Phiếm chu**

Câu 3: **Dợn** sóng nhấp nhô tam cá lợi

Câu 4: In dòng **lấp lánh** mảnh trăng gieo

Câu 7: Cây cỏ thêm buồn lòng **nhạo thủy**

Quan Hậu Sợ Vợ (Hồ Xuân Hương)

Tình cảnh ấy nước non này
 Dầu không Bồng Đảo cũng Tiên đây
 Hành Sơn mực điểm đôi hàng nhạn
 Thiếu Lĩnh đen trùn một thứ mây
 Lấp ló đâu non vầng nguyệt chéch
 Phất phơ sườn núi lá thu lay
 Hỏi người quân tử đi đâu đó
 Đến cảnh sao mà đứng lợm tay

(Bản khắc 1922)

Quan Hậu là chỉ chức quan hậu bổ, nghĩa là lãnh làm việc quan mà chức chỗ khuyết đợi bổ vào.

Quá Nghệ An Hoài Giai Nhân, Hựu Thê (Qua Nghệ An Nhớ Bạn Hiền, Bài 2, Hồ Xuân Hương)

Quấy quả chi nhau những những điều
 Của ai xem đã đã nên chiều
 Trời đem tài sắc cho trông thấy
 Người có phong tình mới dám yêu
 Buồi lạ có đâu sàm sỡ mãi
 Lòng riêng nghe những ngậm ngùi nhiều
 Lời này xin nhớ cho ta mấy
 Lấn thẩn đừng màng dạ thấp cao

(Thi ca Nam âm)

Quán Sứ Tự (Hồ Xuân Hương)

Quán Sứ chùa xưa cảnh vắng teo
 Thương ôi sự đã hóa ra mèo
 Sáng banh vắng kẻ khua dùi mõ
 Trưa trệt không người quét kẽ rêu
 Chí chát chày kinh im lại dấm
 Lầm rầm tràng hạt đếm cùng đeo
 Buồn từ cũng rắp sang Tây Trúc
 Gió vật cho nên phải lộn lèo

(Bản khắc 1914)

Bản khảo dị:

– Bản khắc 1922

Tựa đề: **Chùa Quán Sứ**

- Câu 1: Quán Sứ **sao mà** cảnh vắng teo
 Câu 2: **Hỏi thăm** sự cụt áo nơi neo
 Câu 3: **Chày kinh tiêu để** sông không dấm
 Câu 4: **Tràng hạt vãi** lần đếm lại đeo
 Câu 5: **Sáng banh** không kẻ khua tang mít
 Câu 6: **Trưa trệt** nào ai móc kẽ rêu
 Câu 7: **Cha kiếp** đường tu sao lắt léo
 Câu 8: **Cảnh buồn** thêm ngán nợ tình đeo

– Bản Xuân hương thi vịnh

Tựa đề: **Vịnh Quán Sứ tự**

- Câu 1: Quán Sứ chùa **nay** cảnh vắng teo
 Câu 2: Thương ôi sự đã **tếch** nơi neo
 Câu 3: **Sớm** banh vắng kẻ khua dùi mõ
 Câu 4: Trưa trệt không người **móc** kẽ rêu
 Câu 5: Chí chát chày kinh **đâm** lại đóng

Quả Mít (Hồ Xuân Hương)

Thân em như quả mít trên cây
Da nó xù xì múi nó dày
Quân tử có yêu xin đóng cọc
Đừng mân mó nữa nhựa ra tay

(Bản khắc 1914)

Bản khảo dị:

– Bản khắc 1922

Câu 3: Quân tử có yêu **thì** đóng **nõ**
Câu 4: **Xin** đừng mân mó nhựa ra tay

– Bản Quốc văn tùng ký

Câu 3: Quân tử có **thương** **thì** đóng cọc
Câu 4: **Xin** đừng mân mó nhựa ra tay

– Bản Xuân Hương thi sao

Tựa đề: **Vịnh quả mít**

Câu 1: **Của** **tôi** như quả mít trên cây
Câu 3: Quân tử có yêu **thì** đóng cọc
Câu 4: **Xin** đừng mân mó nhựa ra tay

– Bản Quế Sơn thi tập

Tựa đề: **Ba la mật**

Câu 1: **Dái** này **hắn** ở **chạc** ba cây
Câu 3: Quân tử có **say** xin đóng cọc
Câu 4: **Chớ** đừng mân mó nhựa ra tay

Sài Sơn Thiên Thị (Chợ Trời Núi Thầy, Hồ Xuân Hương)

Hoá công xây đắp biết bao đời
Nọ cảnh Sài Sơn có chợ Trời

Buổi sớm gió tuôn trưa nắng dãi
 Ban chiều mây hợp tối trăng soi
 Bày hàng hoa quả quanh năm đủ
 Dãi thẽ giang sơn bốn mặt ngời
 Bán lợi mua danh nào những kẻ
 Thử lên mặc cả một hai lời

(Bản khắc 1914)

Bản khảo dị:

– Bản khắc 1922

Tựa đề: **Chợ Trời**

Câu 1: **Khen thay con tạo khéo trêu người**

Câu 2: **Bày đặt ra nên cảnh chợ Trời**

Câu 3: Buổi sớm gió **đưa** trưa nắng **đứng**

Câu 4: Ban chiều mây hợp tối trăng **chơi**

Câu 5: Bày hàng hoa quả **tư mùa sẵn**

Câu 6: **Mở phố** giang sơn bốn mặt ngời

Câu 8: **Không** lên mặc cả một hai lời

– Bản Quốc văn tùng ký

Tựa đề: **Chợ Trời chùa Thầy**

Câu 1: Hoá công xây đắp **đã** bao đời

Câu 3: Buổi sớm **sương tan** trưa **gió quét**

Câu 4: Ban chiều mây hợp tối trăng **chơi**

Câu 6: **Quả gánh** giang sơn **tám** mặt ngời

Câu 8: **Lại đây** mặc cả một **đôi** lời

– Bản Xuân Hương thi sao

Tựa đề: **Vịnh cái chợ Trời**

Câu 1: **Trái** bao vật **đổi** lại sao đời

Câu 2: **Vẫn cứ** tro tro cái chợ Trời

Câu 3: Buổi sớm **mưa tan** trưa **gió quét**

Câu 5: Bày hàng hoa **cỏ** tư mùa đủ

Câu 6: **Mở** phố giang sơn **tám** mặt ngời

Câu 7: **Những** kẻ mua danh cùng bán lợi

Câu 8: **Không** lên mặc cả một đôi lời

Sự Hoạn Dâm (Hồ Xuân Hương)

Cái kiếp tu hành nặng đá đeo

Làm chi một chút tẻ tèo tèo

Thuyền từ cũng muốn về Tây Trúc

Trái gió cho nên phải lộn lèo

(Bản khắc 1922) – Theo bản khắc tựa đề nguyên chữ Hán “Sự hoạn dâm” (Sự hoang dâm).

Bản khảo dị:

– Bản **Quốc văn tùng ký**

Tựa đề: **Tiền sư**

Câu 2: **Vị** gì một chút tẻ tèo tèo

Câu 3: Thuyền từ cũng **rấp** về Tây Trúc

– Bản **Quế Sơn thi tập**

Tựa đề: **Vô đề 6**

Câu 2: **Vì** chưng chút sự tẻ tèo tèo

Câu 3: **Buồm** về Tây Vực đà nghiêng lá

Tát Nước (Hồ Xuân Hương)

Đang cơn nắng cực chứa mưa tẻ,

Rủ chị em ra tát nước khe.

Lẽo đẽo chiếc gầu ba góc chụm,

Lênh đênh một ruộng bốn bờ be.

*Xi xòm đáy nước mình nghiêng ngửa,
Nhấp nhồm bên ghềnh đít vắt ve.
Mải việc làm ăn quên cả mệt,
Dạng hang một lúc đã đầy phê.*

Tình Có Theo Ai (Hồ Xuân Hương)

*Tình có theo ai nhớ lấy lời
Những lời vàng đá phải lời chơi
Đường tuy nửa bước xa ngàn dặm
Duyên chửa trăm năm cũng một đời
Tần Tần đã đành duyên gặp gỡ
Ngô Lào chi quản chuyện xa xôi
Trăng thề muôn kiếp tro tro đó
Tình có theo ai nhớ lấy lời*

(Quế Sơn thi tập)

Tặng Tình Nhân (Hồ Xuân Hương)

*Rắp hỏi chơi đây những then thùng
Chữ tình ai nỡ dứt cho xong
Những người trong cuộc nhiều người lạ
Là của trên đời vốn của chung
Duyên phận ngán thay thân yếu điệu
Tài hoa gầy cả mặt anh hùng
Này thơ ai tặng ai ai đó
Gặp gỡ rồi ra họa có không*

(Bản khắc 1914)

Bản khảo dị:

Bản Thi ca Nam âm

Tựa đề: **Quá Nghệ An hoài giai nhân**

Câu 4: **Mà** của trên đời vốn của chung

Câu 5: Duyên phận ngán **xem** thân **thiếu** nữ

Câu 7: **Thôi** **thôi** còn **biết** làm **chi** tá

Câu 8: **Thục** **nữ** rồi ra họa có không

Tức Sự (Hồ Xuân Hương)

Văng vẳng tai nghe tiếng khóc chồng

Nín đi kéo thẹn mấy non sông

Ai về nhẩn nhủ đàn em nhé

Xấu máu thời khem miếng đỉnh chung

(Bản khắc 1914)

Bản khảo dị:

– Bản khắc 1922

Tựa đề: **Chớ lấy chồng quan**

Câu 4: Xấu máu **đừng** **tham** miếng đỉnh chung

– Bản Quốc văn tùng ký

Tựa đề: **Khuyên chị em**

Câu 3: Ai về nhẩn nhủ đàn em **bé**

Thân Phận Người Đàn Bà (Hồ Xuân Hương)

Hỡi chị em ơi có biết không

Một bên con khóc một bên chồng.

Bố cu lồm ngồm bò trên bụng,

Thằng bé hu hơ khóc dưới hông.

Tất cả những là thu với vén
 Vội vàng nào những bóng cùng bông.
 Chồng con cái nợ là như thế,
 Hỡi chị em ơi có biết không?

Thị Đểu Thi (Hồ Xuân Hương)

Kén chọn làm chi thế ôi anh
 Lấy ai khuynh quốc lại khuynh thành
 Vô duyên nên nổi người chê Đểu
 Có đẹp chẳng thời gái ở tranh
 Ghét mặt cục vàng ra cục đất
 Tắt đèn nhà ngói bằng nhà gianh
 Thay lời mượn bút đem thư gửi
 Nghĩ lại sao cho để được đành

(Thi ca Nam âm)

Lời dẫn bằng chữ Hán: “Ngôn kỳ y thị thậm xú. Phu ố chi. Thị dĩ thực ngôn ư Xuân Hương nương. Nương đại tác thử thi di y phu. Kỳ hậu phục tương hòa hợp.” (Chuyện kể rằng thị ấy rất xấu xí. Người chồng chán ghét. Thị ấy đem sự thật kể với nàng Xuân Hương. Nàng Xuân Hương bèn thay lời thị ấy, làm bài thơ này gửi cho chồng thị ấy. Sau đó hai vợ chồng lại sống hòa hợp cùng nhau.)

Thơ Tự Tình (Hồ Xuân Hương)

Tiếng gà xao xác gáy trên vòm
 Oán hận trông ra khắp mọi chòm
 Mỡ thảm không khua mà cũng cóc
 Chuông sầu chẳng đánh có sao om
 Trước nghe những tiếng thêm rầu rĩ

Sau hận vì duyên để mồm mòm
Tài tử văn nhân ai đó tá
Thân này đâu đã chịu già tom

(Bản khắc 1921)

Bản khảo dị:

– Bản Quốc văn tùng ký

Tựa đề: **Tự than mình**

Câu 1: Tiếng gà **văng vẳng** gáy trên **hom**

Câu 2: Oán hận trông ra khắp **một** chòm

Câu 6: Sau **giận** vì duyên để mồm mòm

Câu 8: Thân này đâu **để** chịu già tom

– Bản Xuân Hương thi sao

Tựa đề: **Tự thuật**

Câu 1: Tiếng **điều văng vẳng** gáy trên vòm

Câu 4: **Trống** sâu chẳng đánh **cũng nên** tò mò

Câu 5: **Trước kia vẫn tưởng rằng tình thực**

Câu 6: Sau **ngẫm** thì ra **mắc tiếng bom**

Câu 7: **Quân tử** ví **đâu** không **ngó đến**

Câu 8: Thân này **chắc hẳn** đến già **nhom**

Thương (Hồ Xuân Hương)

Há dám thương **đâu** kẻ có chồng,
Thương vì một **nỗi** hầy còn không.
Thương con **cuộc** rữ **kêu** mùa Hạ,
Thương cái **bèo** non **giạt** bể Đông.
Thương **cha mẹ** **nhện** **vương** **tơ** **lưới**,
Thương **vợ** **chồng** **Ngâu** **cách** **mặt** **sông**.

Ấy thương quân tử thương là thế,
Há dám thương đâu kẻ có chồng.

Thương Ôi Phận Gái (Hồ Xuân Hương)

Thương ôi phận gái cũng là chồng
Ghét bỏ nhau chi hỡi Nguyệt ông
Rồng tắm ao tù từng phận tử
Mưa gieo xuống giếng uống lòng mong
Xót thân hoa nở song lâm cát
Thẹn mặt trần ai đứng giữa vòng
Âu hử tiên nhân sao đây tá
Thôi đành một kiếp thế cho xong

(Quế Sơn thi tập)

Thương Thay Phận Gái (Hồ Xuân Hương)

Thương thay phận gái cũng là người
Nỡ bỏ xuân xanh quá nửa đời
Ông Nguyệt nữ nào trêu quả mĩ
Chị Hằng khéo nhẽ éo le thôi
Hoa còn phong nhụy ong ve vầy
Gió đã phai hương bướm tả toại
Quá ngán thợ trời ghê gớm bấy
Xuân xanh được mấy chút thương ôi

(Quế Sơn thi tập)

Tiền Người Làm Thơ (Hồ Xuân Hương)

Dắt díu đưa nhau đến cửa chiên
Cũng đòi học nói nói không nên
Ai về nhẩn nhủ phường lòi tới
Muốn sống đem vôi quét trả đền

(Bản khắc 1922)

Bản khảo dị:

– Bản Quốc văn tùng ký

Tựa đề: **Tiền khách**

Câu 1: Dắt díu **đi đâu** đến **cảnh** chiên

Câu 3: Ai về nhẩn **bảo** phường lòi tới

Câu 4: Muốn sống đem vôi quét **cửa** đền

Trào Tăng (Hồ Xuân Hương)

Nào nón tu lờ nào mũ thâm
Đi đâu chẳng đội để ong châm
Đầu sư há phải gì bà cốt
Bá ngọc con ong bé cái nhâm

(Bản khắc 1914)

Bản khảo dị:

– Bản khắc 1922

Tựa: **Ong đốt sư**

Câu 1: Nào **mũ ni** nào **áo** thâm

Câu 3: Đầu sư há phải **chi** bà cốt

– Bản **Xuân Hương** thi sao

Tựa: **Vịnh ong đốt đầu sư**

– Bản *Tập thảo tập*

Tựa: Vịnh phong giáo tăng nhân thủ (Vịnh ong đốt đầu sư)

Trách Chiêu Hồ (Hồ Xuân Hương)

Sao nói rằng năm lại có ba?
Trách người quân tử hẹn sai ra.
Bao giờ thông thả lên chơi nguyệt,
Nhớ hái cho xin nắm lá đa.

Chiêu Hồ Họa Lại

Rằng gián thì năm, quý có ba
Bởi người thực nữ tính không ra.
Ừ rồi, thông thả lên chơi nguyệt
Cho cả cành đa lẫn củ đa.

Trúc Bạch Hồ (Hồ Xuân Hương)

Một chiếc thuyền nan một mái chèo
Đáy hồ đứng lặng nước trong veo
Quanh co thành cỏ đường lai láng
Chen chóc nhà thôn vẻ gấm thêu
Ngũ Xá cầu dài đường khách thẳng
Châu Long thêm rộng mái chùa cao
Đồn rằng Trúc Bạch vui hơn trước
Nay mới hay rằng lắm thú yêu

(Xuân Hương thi vịnh)

Bản khảo dị:

Bản Âm ca tập

– *Tựa đề: Vịnh Trúc Bạch hồ*

- Câu 3: Quanh co **chòm** cỏ đường lai lảng
- Câu 7: Đồn rằng Trúc Bạch vui **từ** trước

Sách “Văn đàn bảo giám” chép tác giả bài này của quan Hiệp Đào, tức Đào Tấn.

Vô Âm Nữ (Hồ Xuân Hương)

Mười hai bà mụ ghét gì nhau
 Dem cái xuân tình cấm ở đâu
 Rúc rích thầy cha con chuột nhất
 Vo ve mặc mẹ cái ong bầu
 Nào ai biết được vòng hay chóc
 Nọ kẻ chia ra cuống mấy đầu
 Thôi thế thời thôi thôi cũng rảnh
 Trăm năm càng khỏi tiếng làm dâu

(Bản khắc 1914)

Bản khảo dị:

– Bản khắc 1922

Tựa đề: **Quan thị**

- Câu 1: Mười hai bà mụ ghét **chi** nhau
- Câu 5: **Đố** ai **đó** **biết** vòng hay chóc
- Câu 6: **Nào** kẻ **nào** **hay** cuống mấy đầu
- Câu 7: Thôi thế thời thôi thôi cũng **được**
- Câu 8: **Ngàn** năm càng khỏi tiếng **nuơng** dâu

– Bản **Xuân Hương** thi sao

Tựa đề: **Vịnh nữ vô âm**

- Câu 2: Dem cái **tình** **chung** cấm ở đâu
- Câu 6: **Đố** kẻ **phân** ra cuống **với** đầu
- Câu 7: **Đã** thế **thì** thôi thôi **thì** **chớ**
- Câu 8: Trăm năm càng khỏi tiếng **nuơng** dâu

– Bản *Tạp thảo tập*

Tựa đề: *Vịnh nữ vô âm*

Câu 6: **Mấy** kẻ **phân** ra cuống **mấy** đầu

Câu 7: **Đã** thế **thời** **thôi** **thôi** cũng **chớ**

– Bản *Xuân Hương thi tập*

Tựa đề: *Vịnh vô âm nữ*

Câu 1: Mười hai bà mụ ghét **chi** nhau

Câu 5: **Đố** ai **đã** **biết** vòng hay chóc

Câu 6: **Còn** kẻ **nào** **phân** cuống **mấy** đầu

Câu 7: **Đã** **chẳng** **thời** **thôi** **thôi** cũng **chớ**

Câu 8: Trăm năm càng khỏi tiếng **nuơng** dâu

Vấn Nguyệt (Hồ Xuân Hương)

Trải **mấy** thu nay vẫn **hãy** còn,

Cớ sao khi khuyết lại khi tròn?

Hỏi con Bạch Thố đã bao tuổi?

Hỏi chị Hằng Nga đã **mấy** con?

Đêm tôi có sao soi gác **tía**?

Ngày xanh còn **thẹn** **mấy** vầng tròn.

Năm canh lơ lửng chờ ai **đó**?

Hay có tình riêng **mấy** nước non?

(Quốc văn tùng ký)

Bản khảo dị:

– Bản *Xuân Hương thi sao*

Tựa đề: *Vịnh vấn nguyệt*

Mấy vạ **trăm** năm vẫn **hãy** còn

Cớ sao khi khuyết lại khi tròn?

Nuôi chàng **Ngọc** **Thố** đã bao tuổi

Giấu ả Hằng Nga đã mấy con
Đêm thăm có chi soi gác tía
 Ngày xanh **sao lại thẹn vòng tròn**
 Năm canh **thơ thân** chờ ai đó
 Hay có tình riêng mấy nước non?

– Bản **Xuân Hương thi vịnh**
Mấy vạn năm nay vẫn hầy còn
 Có sao khi khuyết lại khi tròn?
 Hỏi con **Ngọc Thố** đà bao tuổi
Chớ gái Hằng Nga được mấy con
 Đêm **vắng có chi** soi gác tía
 Ngày **chầy sao** thẹn mấy vầng **son**
 Năm canh **thơ thân** chờ ai đó
 Hay có tình riêng mấy nước non?

– Bản **Nghi Xuân Uy Viễn** Nguyễn gia thế **phả** chép bài này của Nguyễn Công Trứ, với lời như sau:

Mấy vạn ngàn năm vẫn hầy còn,
 Có sao khi khuyết lại khi tròn?
Kia muông ngọc tỏ bao nhiêu tuổi,
Nọ ả Hằng Nga đã mấy con?
Chập tôi có **chi** dòm gác tía,
Ban ngày sao thẹn với **vầng son**.
Ba mươi mồng một đi **đâu vắng**,
 Hay có tình riêng với nước non?

Vọng Tây Hồ Hoài Hữu (Hồ Xuân Hương)

Phong cảnh Tây Hồ chẳng khác xưa
 Người đông châu trước biết bao xa
 Nhật Tân đê lở nhưng còn lối

Trấn Bắc rêu phong vẫn ngấn thơ
 Nọ vực Trâu Vàng trắng nhạt bóng
 Kìa non Phượng Đất khói tuôn mờ
 Hồ kia thăm thẳm sâu đường mấy
 So dạ hoài nhân chữa dễ vơi

(Bản khắc 1914)

Bản khảo dị:

Bản Xuân Hương thi vịnh

– Tựa đề: **Tây Hồ**

– Câu 2: Người đông châu trước biết bao **giờ**

– Câu 3: Nhật **Chiêu** đề lở nhưng còn lồi (tên cổ của Nhật Tân)

Theo bản khắc thì tựa đề là chữ Hán Vọng Tây Hồ hoài hữu (Ngắm Tây Hồ nhớ bạn), phần thơ là chữ Nôm.

Vịnh Ông Cống Đánh Nhau (Hồ Xuân Hương)

Sự này căn có bởi vì đâu?
 Cái cống sao mà bỗng đánh nhau.
 Vác gậy bà dần phang dưới gôi,
 Vó đùi ông huýnh giáng lên đầu.
 Cha cặng mất vía bon lên trước,
 Chú kiết kinh hồn lẫn lại sau.
 Một chốc may mà mưa lại tạnh,
 Vì rằng đi chữa có bồ câu.

Vịnh Đồi Người (Hồ Xuân Hương)

Trăm năm ba vạn sáu ngàn ngày
 Dẫu có ngàn vàng khó đổi thay

Trong núi ngàn năm cây vẫn có
 Dưới trần trăm tuổi dễ không ai
 Nghĩ đường danh lợi lòng thêm chán
 Thấy kẻ gian ngoan bụng lại đầy
 Đắng xót ghê thay mùi tục lụy
 Bực mình theo Cuội tới cung mây
 (Quốc văn tùng ký)

Vịnh Bách Chu – Tức Sương Nữ (Hồ Xuân Hương)

Chiếc bách buồn về phận nổi nênh
 Giữa dòng ngao ngán nổi lênh đênh
 Lưng khoang tình nghĩa mong đây đặn
 Nửa mạn phong ba luống bập bênh
 Chèo lái mặc ai lăm đổ bến
 Buồm lèo thây kẻ rắp xuôi ghềnh
 Ấy ai thăm ván cam lòng vậy
 Ngán nổi ôm đàn những tấp tênh
 (Bản khắc 1914)

Bản khảo dị:

– Bản Quốc văn tùng ký

Tựa đề: Vô đề 1

Câu 2: Trong dòng chao chát nước lênh đênh

Câu 3: Lưng khoang tình nghĩa đường lai lảng

Câu 5: Cầm lái mặc ai lăm đổ bến

Câu 6: Giong lèo thây kẻ rắp xuôi ghềnh

– Bản Xuân Hương thi vịnh

Tựa đề: Vịnh sương phụ

Câu 3: Lưng khoang tình nghĩa đầu dan dẫu

Câu 4: *Nửa mạn phong ba vô bập bênh*

Câu 5: **Cầm** lái mặc ai lăm đổ bến

Câu 6: **Kéo buồm** thấy kẻ rắp xuôi ghềnh

Vịnh Cái Quạt (Hồ Xuân Hương)

Mười bảy hay là mười tám đây
Cho ta yêu dấu chẳng dờ tay
Mỏng dày chày ẩy chày ba góc
Rộng hẹp ngăn nao cấm một cay
Càng nực bao nhiêu thời càng mát
Yêu đêm chẳng chán lại yêu ngày
Hồng hồng má phấn duyên vì cạy
Chúa dẫu vua yêu một cái này

(Quốc văn từng ký)

Vịnh Chuông (Hồ Xuân Hương)

Năm ba thằng ngọng đứng xem chuông
Nó bảo nhau rằng ẩy ái uông

Nguyên văn lời Dân bằng chữ Hán:

Nhị tam nhân xuất Chung thi dĩ uông vận
Vài ba người ra đề vịnh thơ “Quả chuông”, lấy vần “uông”

Vịnh Dạy Con Trẻ (Hồ Xuân Hương)

Buổi học xong rồi cảnh vắng teo,
Đứng lên nằm xuống lại nằm mèo.
Miệng thèm sờ rượu be hôi rích,

Giọng khát tìm chè lọ mốt meo.
 Trầu một vài tuần nhai bồm bẻm,
 Thuốc năm ba điếu hút phì phèo.
 Ai về nhắn nhủ cô bay biết,
 Cũng chẳng phong lưu cũng chẳng nghèo.

Vịnh Hằng Nga (Hồ Xuân Hương)

Hỡi chị Hằng Nga nấu Quảng Hàn
 Bốn mùa trăng gió mấy giang san
 Áo tiên tuy nhuộm màu Vương Mẫu
 Hương tục còn nồng lửa Hậu Lang
 Mắt phượng nhớ say mùi ngọc thố
 Cung Nghê sao thẹn khúc cầm loan
 Nẻo không duyên nợ người cùng thế
 Xin chó đâm mình nước hợp hoan
 (Quốc văn tùng ký)

Vịnh Hoa Cúc (Hồ Xuân Hương)

Chấp cả hàn phong xiết cả sương,
 Trước rào xum họp tấm bao vàng.
 Yêu vì vãn tuyết hương càng lạ,
 Lẫn với phàm hoa sắc cũng thường.
 Đào lệnh nòi xưa nghe chứa hết,
 Tây Thi giống trước hầy còn vương.
 Yêu hoa nên hoạ người say tỉnh,
 Rượu chén hoàng hoa ngẫu hứng thương.

Vịnh Nắm Ngủ (Hồ Xuân Hương)

Mùa hè hây hây gió nồm đông
 Tiên nữ nằm chơi quá giấc nồng
 Lược trúc chải cài trên mái tóc
 Yếm đào trễ xuống dưới nương long
 Đôi gò Bồng Đảo sương còn ngậm
 Một lạch Đào Nguyên suối chứa thông
 Quân tử dùng dằng đi chẳng dứt
 Đi thì cũng dở ở sao xong

(Quốc văn từng ký)

Bản khảo dị:

– Bản **Quế Sơn thi tập**

Tựa đề: **Vô đề 5**

Câu 1: **Đương cơn giờ ngọ gió nam phong**

Câu 2: **Thiếu nữ nằm chơi quá giấc nồng**

Câu 3: **Lược bạc còn cài trên mái tóc**

Câu 4: **Yếm hồng để trễ dưới lưng ong**

Câu 5: **Đôi bầu bạch thạch sương còn đọng**

Câu 6: **Một dục Đào Nguyên suối chứa thông**

Câu 7: **Quân tử dùng dằng đi chẳng được**

Câu 8: **Vậy nên một bút dán bình phong**

Vịnh Nhàn Cư (Hồ Xuân Hương)

Mặc ai xe ngựa, mặc ai hèo,
 Ngồi tựa hiên mai, vắt tréo kheo.
 Bầu rót rượu tiên mời bạn cũ,
 Tay nâng thuốc thánh chữa dân nghèo.
 Thơ ngâm “Lương phủ” người ngoại núi,

Đàn gảy “Cao sơn” khách ngọn đèn.
 Mấy thuở thái bình nay lại gặp,
 Vô tay đưa nhịp tính tình cao.

Vịnh Ni Sư (Hồ Xuân Hương)

Xuất thế hồng nhan kẻ cũng nhiều,
 Lộn vòng phu phụ mấy là kiêu.
 Gậy thần Địa Tạng khi chèo chống,
 Tràng hạt Di Đà để đếm đeo.
 Muốn dựng cột buồm sang bến giác,
 Sợ cơn sóng cả lộn dây leo.
 Ví ai quả phúc mà tu được,
 Cũng giốc một lòng để có theo.

Vịnh Thăng Long Hoài Cổ (Hồ Xuân Hương)

Ngân ngất tầng mây một dải cò
 Kinh thành ngày trước tỉnh bây giờ
 Tượng đồng Trấn Vũ hương còn ngát
 Bia đá Khuê Văn chữ chứa mờ
 Bảo tháp lơ thơ chòm cỏ mới
 Hồ sông lai láng bóng trăng xưa
 Nào ai cố lão ra đây hỏi
 Chôn cũ phồn hoa đã phải chưa

Bản khảo dị:

– Bản Âm ca tập

Tựa đề: **Vịnh Thăng Long thành**

Câu 1: **Chân** ngất tầng mây một dải cò

Câu 7: **Gặp** ai cố lão ra **rồi** hỏi

Câu 8: Chôn cũ phồn hoa **có** phải chưa

– Bản **Xuân Hương** thi sao

Tựa đề: **Thăng Long thành hoài cổ**

Câu 4: Bia đá **hoa văn** chữ chứa mờ

Câu 6: **Sông Tô** lai láng bóng trắng xưa

Câu 7: **Gặp** ai cố lão ra đây hỏi

– Bản **Xuân Hương** thi vịnh

Tựa đề: **Thăng Long hoài cổ**

Câu 1: **Chân** ngất tầng mây một **ngọn** cò

Câu 2: Kinh thành ngày trước **cảnh** bấy giờ

Câu 4: Bia đá **hoa văn** chữ chứa mờ

Câu 6: **Ghềnh Tô** lai láng bóng trắng xưa

Câu 7: **Gặp** ai cố lão ra đây hỏi

Vịnh Xuyên Cổ (Vịnh Trống Thủng, Hồ Xuân Hương)

Của tôi bung bít vẫn ngùi ngùi

Nó thủng vì chưng cũng nặng dùi

Ngày vắng trên lầu dăm bảy lúc

Đêm thanh dưới gác một đôi hồi

Khi khoan chưa chán thò khi nhặt

Đánh đưng không thôi lại đánh ngồi

Nhấn nhủ ai về thương đến mấy

Thịt da ai cũng thế mà thôi